

QUYẾT ĐỊNH
Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 91/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuân lập ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 97/BB-XM do Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuân lập ngày 02 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-GQXP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Để khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông (bà) có tên sau đây:

Họ và tên: Nông Thị Đà

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 18/9/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 07, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng

Căn cước công dân số: 004169001469 cấp ngày: 28/4/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

Điểm a, khoản 2 và khoản 3, Điều 10, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là:

Chuyển 0,0073 ha (73,0 m²) đất nông nghiệp tại khu vực đô thị là loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 67 (bản đồ địa chính năm 2016) tại tổ dân phố 07, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để xây dựng nhà trên đất làm thay đổi tình trạng ban đầu của đất.

4. Lý do không ra quyết định xử phạt:

Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời gian thực hiện:

a) Đối với phần diện tích 45,0 m² đã xây 01 nhà cấp 4 từ ngày 20 tháng 5 năm 2014. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc kê khai đăng ký đất đai theo quy định.

Thời gian thực hiện: 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Đối với phần diện tích 28,0 m² đã xây 01 nhà cấp 4 từ ngày 10 tháng 02 năm 2015. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Thời gian thực hiện: 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm với số tiền là **70.868.258 đồng** (*Bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi tám đồng*).

Thời gian thực hiện: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

6. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà Nông Thị Đa có tên tại Điều này chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Nông Thị Đa là cá nhân bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Bà Nông Thị Đa bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi

phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này.

Hết thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này mà bà Nông Thị Đả không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

b) Bà Nông Thị Đả có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

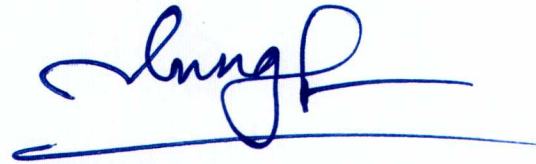
2. Gửi cho Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuân chủ trì để tổ chức thực hiện.

3. Gửi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cao Bằng để biết và phối hợp thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP HĐND và UBND thành phố;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hùng Vĩ

Quyết định đã giao trực tiếp cho bà Nông Thị Đả bị buộc thực hiện thi hành biện pháp khắc phục hậu quả vào hồi giờ.... phút, ngày/.../...

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BẢNG TÍNH SỐ LỢI BẤT HỢP PHÁP DO THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số **259** /QĐ - KPHQ ngày **05** tháng **02** năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

1. Công thức tính toán: (theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính Phủ)

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm

=

Giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi vi phạm (G2)

-

Giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi vi phạm (G1)

x

Số năm vi phạm

Tổng thời gian sử dụng đất đối với loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất là 70 năm

G (1,2)

=

Diện tích đất vi phạm (x)

Giá đất theo bảng giá đất.

Diện tích đất và giá đất được xác định tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Các giá trị cụ thể trong công thức:

2.1. Đối với phần diện tích 45,0 m²

- G2: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất = 45,0 m² x 6.976.000 đ/m² = **313.920.000** đồng (giá đất ở vị trí 1, Đường loại V = 6.976.000 đ/m², đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- G1: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất = 45,0 m² x 107.000 đ/m² = **4.815.000** đồng (giá đất trồng cây hàng năm khác tại vùng 1: 107.000 đ/m², đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- Tổng thời gian sử dụng đất: = 70 năm (vi đất sau khi chuyển mục đích là đất lâu dài)
- Số năm vi phạm được tính như sau:

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra sau ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành (ngày 25/12/2014) đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp trên có hành vi vi phạm từ ngày 20/5/2014 (trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP)), thời gian vi phạm bắt đầu tính từ ngày 25/12/2014 đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 26/11/2024). Theo quy định tại điểm e khoản 2, Điều 6, Nghị định 123/2024/NĐ-CP thì số ngày lẻ được tính bằng 0,0028 năm.

$$\text{Số năm vi phạm} = 9 \text{ năm} + 337 \text{ ngày} = 9 + 337 \times 0,0028 = 9,9436 \text{ năm.}$$

Kết quả tính toán số lợi bất hợp pháp:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (đ)	313.920.000	-	4.815.000				
				x	9,9436	=	43.908.807 đồng
			70				

2.2. Đối với phần diện tích 28,0 m²

- G2: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất = 28,0 m² x 6.976.000 đ/m² = **195.328.000 đồng** (giá đất ở vị trí 1, Đường loại V = 6.976.000 đ/m², đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- G1: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất = 28,0 m² x 107.000 đ/m² = **2.996.000 đồng** (giá đất trồng cây hàng năm khác tại vùng 1: 107.000 đ/m², đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- Tổng thời gian sử dụng đất: = 70 năm (vì đất sau khi chuyển mục đích là đất lâu dài)

- Số năm vi phạm được tính như sau:

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra sau ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành (ngày 25/12/2014) đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp trên có hành vi vi phạm từ ngày 10/02/2015 (sau ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP)), thời gian vi phạm bắt đầu tính từ ngày 10/02/2015 đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 26/11/2024). Theo quy định tại điểm e khoản 2, Điều 6, Nghị định 123/2024/NĐ-CP thì số ngày lẻ được tính bằng 0,0028 năm.

$$\text{Số năm vi phạm} = 9 \text{ năm} + 290 \text{ ngày} = 9 + 290 \times 0,0028 = 9,812 \text{ năm.}$$

Kết quả tính toán số lợi bất hợp pháp:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (đ)	=	$\frac{195.328.000 - 2.996.000}{70}$	x	9,812	=	26.959.451 đồng
--	---	--------------------------------------	---	-------	---	-----------------

3. Tổng số lợi bất hợp pháp: $43.908.807 + 26.959.451 = 70.868.258$ đồng